

## DAY HỌC NỘI DUNG “BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG” (TOÁN 7) THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID A. KOLB

Phan Thị Thảo My<sup>1,+</sup>,  
Lê Thái Bảo Thiên Trung<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông EMASI Nam Long,  
Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh;

<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh  
+ Tác giả liên hệ • Email: phanthithaomy2804@gmail.com

### Article history

Received: 16/8/2023

Accepted: 05/9/2023

Published: 20/10/2023

### Keywords

Line chart, math 7,  
experiential learning model,  
student

### ABSTRACT

Experiential learning is one of the effective learning methods to instruct students to apply and develop creative thinking. Through experiential learning, students have the opportunity to apply knowledge and ideas to real-life situations, in which they play the role of subjects and are encouraged to find and come up with unique solutions to their assigned tasks. This study applies David A. Kolb's experiential learning model into teaching the content "Line chart" (Math 7) and presents some results of experimental pedagogy. The application of David A. Kolb's experiential learning model to appropriate teaching contents will facilitate learners to master the knowledge, develop skills, and a positive attitude in learning, thereby contributing to improving the quality of teaching in high schools.

### 1. Mở đầu

Hiện nay trong giáo dục, có rất nhiều phương pháp dạy học tích cực mang lại hiệu quả cao. Học tập trải nghiệm (HTTN) (Experiential learning) là một phương pháp dạy học dựa trên trải nghiệm thực tế và trải nghiệm cá nhân, có tính tương tác cao, giúp HS đạt được mục tiêu học tập một cách tự nhiên, thú vị và ngày càng được áp dụng vào giảng dạy; gồm các hoạt động và tình huống mà HS có thể trải nghiệm trực tiếp, giúp các em hiểu và dễ dàng ghi nhớ kiến thức hơn so với việc nghe giảng hoặc đọc hiểu và ghi chép. Đây là cơ hội cho HS tự giải quyết vấn đề, tự tiếp cận, học hỏi và áp dụng kiến thức một cách sâu rộng. Thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm, HS có cơ hội để huy động và vận dụng kiến thức, kỹ năng trong môn học và hoạt động giáo dục để giải quyết các tình huống trong học tập và thực tiễn, từ đó người học hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực. Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu trong dạy học, giáo dục, phát triển phẩm chất, năng lực người học, đòi hỏi từng môn học, hoạt động giáo dục phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể (Bộ GD-ĐT, 2020).

Mô hình David A. Kolb (còn gọi là mô hình "HTTN"), là một trong những "chu trình" đã được áp dụng hiệu quả trong dạy học tại một số nước tiên tiến trên thế giới như Anh, Mỹ,... Mô hình này gồm một trình tự logic các bước giảng dạy và chú trọng khai thác khả năng tư duy, khả năng tự học, thực hành của người học. Lý thuyết HTTN của David A. Kolb như một công cụ hữu ích, giúp GV tạo ra môi trường học tập tích cực và tăng tính tương tác cho HS. Bên cạnh đó, một trong những yêu cầu cơ bản trong dạy học môn Toán đó là: phù hợp với tiến trình nhận thức của HS (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó); chú trọng tính logic của khoa học toán học và cách tiếp cận dựa trên vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của HS,...; linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn (Bộ GD-ĐT, 2018). Nội dung "Biểu đồ đoạn thẳng" thuộc chủ đề "Thống kê" trong chương trình môn Toán ở lớp 7 không chỉ đòi hỏi sự rõ ràng trong lý thuyết mà còn cần sự kết nối với thực tiễn. Việc áp dụng mô hình HTTN của David A. Kolb vào dạy học nội dung này nhằm giúp HS hiểu sâu các khái niệm, có thể áp dụng linh hoạt vào các tình huống thực tiễn. Bài báo trình bày một số phân tích về lý thuyết HTTN của David A. Kolb và vận dụng mô hình này vào dạy học nội dung "Biểu đồ đoạn thẳng" (Toán 7); tiếp đó là một số kết quả thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng mô hình HTTN của David A. Kolb trong dạy học nội dung "Biểu đồ đoạn thẳng" ở Trường Tiểu học - THCS - THPT EMASI Nam Long, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số đặc điểm cơ bản của học tập trải nghiệm

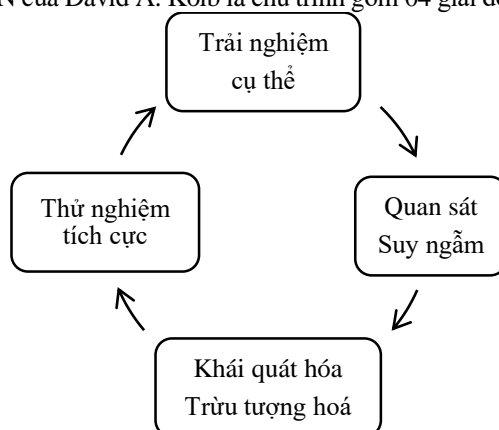
Theo Weinberg và cộng sự (2011), đặc điểm cơ bản của HTTN gồm: - Kinh nghiệm là nền tảng và là nhân tố kích thích cho việc học; - Người học cần tích cực xây dựng kinh nghiệm của bản thân trong quá trình học; - Học tập là một quá trình phát triển toàn diện, được xây dựng trên nền tảng xã hội và văn hóa; - Học tập bị ảnh hưởng bởi bối cảnh xã hội. Phan Thị Thúy Phương (2018) đã nhấn mạnh, “học trải nghiệm” là học thông qua làm, với quan niệm học là quá trình tạo ra tri thức mới dựa trên trải nghiệm thực tiễn, đánh giá, phân tích các kinh nghiệm, kiến thức đã có.

Từ việc kế thừa các tư tưởng tiến bộ “Học thông qua làm, học qua trải nghiệm” của John Dewey, quan điểm “học tập là một quá trình tích hợp hai quan điểm “trải nghiệm cụ thể” và “phản hồi” của Kurt Lewin và quan điểm “Trí thông minh được hình thành bởi kinh nghiệm và hành động chính là chìa khóa” của Jean Piaget, David A. Kolb là người đã đề xuất ra lí thuyết HTTN năm 1984. Theo ông, 6 đặc điểm chính của học từ trải nghiệm gồm: - Việc học tập tốt nhất cần chú trọng đến quá trình chứ không phải kết quả; - Học tập là một quá trình liên tục trên nền tảng kinh nghiệm; - Quá trình học tập đòi hỏi phải giải quyết mâu thuẫn giữa các phương thức thích ứng với thế giới đối lập nhau một cách biện chứng; - Học tập là một quá trình thích ứng toàn diện với thế giới; - Học tập là sự kết nối giữa con người với môi trường; - Học tập là quá trình kiến tạo ra tri thức, là kết quả của sự chuyển hóa giữa kiến thức xã hội và kiến thức cá nhân (Kolb, 1984).

Theo Morris (2020), mô hình HTTN của David A. Kolb được coi là mô hình có ảnh hưởng sâu sắc và được trích dẫn nhiều nhất khi xem xét về lí thuyết học HTTN. Tại Việt Nam, mô hình này đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt từ phía các nhà nghiên cứu; là một lí thuyết học tập đóng vai trò trung tâm trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực (Nguyễn Văn Hạnh, 2017; Đào Thị Ngọc Minh và Nguyễn Thị Hằng, 2018; Tăng Minh Dũng và cộng sự, 2021).

### 2.2. Mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb

Theo David A. Kolb, học tập là quá trình mà kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi của kinh nghiệm (Kolb, 1984). Mô hình HTTN của David A. Kolb thường bắt đầu với sự tham gia của người học bằng trải nghiệm cụ thể, từ đó kết luận để đưa ra các quyết định và hành động (thử nghiệm tích cực), dẫn đến các kinh nghiệm và một chu trình học tập mới. Mô hình HTTN của David A. Kolb là chu trình gồm 04 giai đoạn như sau (xem sơ đồ 1):



Sơ đồ 1. Chu trình HTTN của David A. Kolb

- *Bước 1: Trải nghiệm cụ thể:* Đây là giai đoạn học tập nhờ vào cảm nhận và tạo ra kinh nghiệm cho HS thông qua các hoạt động học tập (chú trọng những kinh nghiệm mà các giác quan của con người có thể cảm nhận rõ ràng được). Chẳng hạn: đọc một số tài liệu, xem các video trên Internet, thực hành các thao tác trên học liệu về chủ đề học tập,... tất cả các yếu tố đó sẽ tạo ra những kinh nghiệm nhất định cho HS.

- *Bước 2: Quan sát - Suy ngẫm:* Là giai đoạn học tập dựa trên sự xem xét kĩ lưỡng một vấn đề nào đó. HS cần phân tích, đánh giá các sự kiện và kinh nghiệm đã có. Sự xem xét, đánh giá cần mang yếu tố “phản ánh”, tự mình suy tưởng về các kinh nghiệm, xem bản thân thấy thế nào, có hiểu được hay không, có thấy hợp lí không, có quan điểm nào đi ngược với các kinh nghiệm đã có trước đó hay không.

- *Bước 3: Khái quát hóa - Trừu tượng hoá:* Là giai đoạn học tập nhờ vào sự tư duy, bao gồm phân tích những ý tưởng một cách hợp lí, khái quát công việc để tìm ra ý tưởng hoặc lí thuyết mới. Đây là bước ngoặt quan trọng để

các “kinh nghiệm” chuyển đổi thành “tri thức” và bắt đầu lưu giữ trong não bộ. Không có bước này, các kinh nghiệm sẽ không được nâng cấp, hợp thức hóa để sử dụng mà chỉ là các trải nghiệm thu được trong quá trình học tập.

- *Bước 4: Thử nghiệm tích cực:* Là giai đoạn chuyển hóa nội dung học tập thành kinh nghiệm của bản thân, bao gồm: kiểm nghiệm lại các ý tưởng mới thông qua thực hành và vận dụng một cách chủ động kiến thức mới, kinh nghiệm mới cho những vấn đề khác, sau đó giải quyết vấn đề.

### 2.3. Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb trong dạy học nội dung “Biểu đồ đoạn thẳng” (Toán 7)

\* Những yêu cầu cần đạt của nội dung “Biểu đồ đoạn thẳng” (Toán 7): - Về kiến thức: + Đọc và mô tả các dữ liệu ở dạng biểu đồ đoạn thẳng; + Lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ đoạn thẳng, biết phân tích và xử lý dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng; - Về kỹ năng: có ý thức học tập, khả năng tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có kỹ năng làm việc nhóm; - Về thái độ: tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

\* Chuẩn bị các phương tiện dạy học: mỗi nhóm chuẩn bị 01 laptop (của nhà trường hoặc do HS tự chuẩn bị), 01 phiếu học tập và các dụng cụ học tập (bút, thước kẻ, giấy nháp).

Thời gian dạy học: 2 tiết học liên tiếp, mỗi tiết học 45 phút.

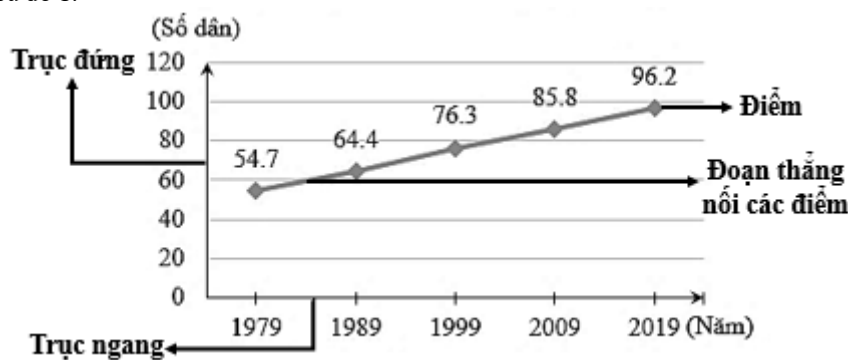
\* *Tiến trình dạy học:*

- *Bước 1: Trải nghiệm cụ thể* (25 phút). GV cho HS trải nghiệm cụ thể về ứng dụng, đặc điểm của biểu đồ đoạn thẳng thông qua hệ thống các hoạt động. GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm khoảng 4-5 HS). GV có thể gửi phiếu học tập dạng file word để các nhóm có thể làm trực tiếp trên file (tại đường link [https://bit.ly/phieuhoctap\\_baikiemtra](https://bit.ly/phieuhoctap_baikiemtra)).

GV chiếu slide, dẫn dắt, gợi ý và hướng dẫn HS từng bước thực hiện các hoạt động như sau:

+ *Hoạt động 1:* Tra cứu thông tin về biểu đồ đoạn thẳng. Mỗi nhóm sử dụng máy tính để truy cập và tra cứu các thông tin sau: (1) Nêu các công dụng của biểu đồ đoạn thẳng; (2) Ghi lại tên 3 biểu đồ đoạn thẳng mà nhóm tìm được; (3) Từ một biểu đồ đoạn thẳng, em có thể biết được những thông tin gì?

+ *Hoạt động 2:* Sự thay đổi dân số Việt Nam theo thời gian từ năm 1979 đến 2019 được biểu diễn bằng biểu đồ đoạn thẳng như biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Biểu đồ dân số Việt Nam theo thời gian từ năm 1979 đến 2019

(Nguồn: Sách giáo khoa Toán 7, tập 1 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, tr 101)

a) Biểu đồ 1 gồm những dữ liệu nào?

b) Hãy điền các từ thích hợp vào chỗ chấm trong đoạn sau: “Để biểu diễn sự thay đổi số liệu của một đối tượng theo thời gian, người ta thường dùng biểu đồ đoạn thẳng. Biểu đồ đoạn thẳng gồm: - Hai trục vuông góc: trục ngang biểu diễn các..., trục thẳng đứng biểu diễn... của dữ liệu; - Các đoạn thẳng... tạo thành một đường gấp khúc cho ta thấy được sự thay đổi của... theo các...”.

c) Quan sát biểu đồ 1, hãy thống kê số dân Việt Nam từ năm 1979 đến năm 2019 bằng cách hoàn thành bảng 1:

Bảng 1. Số dân Việt Nam (triệu dân) từ năm 1979 đến năm 2019

Năm	1979	1989	1999	2009	2019
Số dân (triệu người)	54,7	...	...	...	...

d) Số dân Việt Nam tăng hay giảm từ năm 1979 đến 2019?

+ *Hoạt động 3:* Theo em, để biểu diễn thông tin từ bảng thống kê vào biểu đồ đoạn thẳng, ta thực hiện các bước như thế nào?

+ **Hoạt động 4:** Để phân tích dữ liệu được biểu diễn trên biểu đồ đoạn thẳng, cần chú ý các đặc điểm nào? Mỗi nhóm thảo luận và lần lượt hoàn thành 4 hoạt động trên trong thời gian 20 phút.

- **Bước 2. Quan sát - suy ngẫm (20 phút).** Các nhóm lần lượt cử đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình sau quá trình tìm hiểu và trải nghiệm. Các nhóm khác quan sát, đóng góp ý kiến để cùng nhau hình thành ý kiến tổng quát về biểu đồ đoạn thẳng, cách vẽ, cách đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.

- **Bước 3. Trừu tượng hóa khái niệm (25 phút).** Từ nội dung trình bày của các nhóm, GV dẫn dắt, đặt câu hỏi để HS rút ra kết luận và tổng kết kiến thức trọng tâm:

**Câu hỏi 1:** Biểu đồ đoạn thẳng dùng để làm gì?

**Câu trả lời mong đợi:** Để biểu diễn sự thay đổi số liệu của một đối tượng theo thời gian, người ta thường dùng biểu đồ đoạn thẳng.

**Câu hỏi 2:** Biểu đồ đoạn thẳng gồm các thành phần nào?

**Câu trả lời mong đợi:** Biểu đồ đoạn thẳng gồm: + Hai trục vuông góc: trục ngang biểu diễn các mốc thời gian, trục thẳng đứng biểu diễn độ lớn của dữ liệu; + Các đoạn thẳng nối nhau tạo thành một đường gấp khúc cho thấy sự thay đổi của dữ liệu theo các mốc thời gian.

**Câu hỏi 3:** Các bước vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn số liệu thống kê?

**Câu trả lời mong đợi:** Các bước vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn số liệu thống kê gồm:

+ Vẽ trục ngang và trục thẳng đứng vuông góc với nhau: (1) Trục ngang: Ghi các mốc thời gian; (2) Trục dọc biểu diễn độ lớn của dữ liệu.

+ Tại mỗi mốc thời gian trên trục ngang, đánh dấu một điểm cách điểm mốc thời gian theo chiều thẳng đứng một khoảng bằng số liệu tại mốc thời gian đó, tương ứng với khoảng chia trên trục thẳng đứng. Vẽ các đoạn thẳng nối từng cặp điểm tương ứng với cặp mốc thời gian liên tiếp, ta được một đường gấp khúc biểu diễn sự thay đổi của số liệu theo thời gian.

+ Hoàn thiện biểu đồ: ghi tên cho biểu đồ; ghi chú các giá trị số liệu tại các đầu đoạn thẳng; ghi đơn vị trên hai trục.

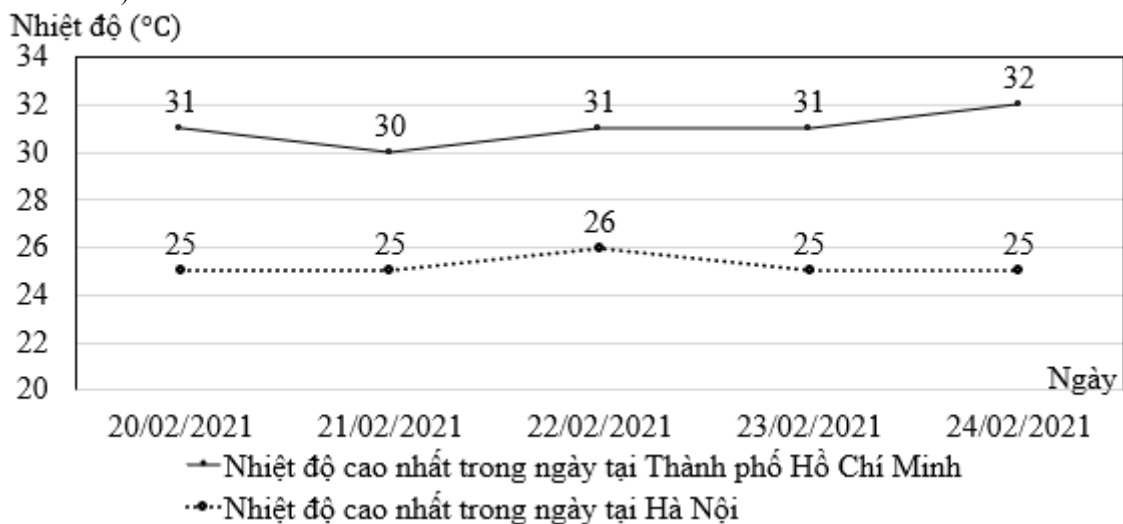
**Câu hỏi 4:** Để đọc và phân tích dữ liệu được biểu diễn trên biểu đồ đoạn thẳng, ta cần chú ý các đặc điểm gì?

**Câu trả lời mong đợi:** Để đọc và phân tích dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng, ta cần chú ý các đặc điểm sau: + Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?; + Đơn vị thời gian là gì?; + Thời điểm nào số liệu cao nhất?; + Thời điểm nào số liệu thấp nhất?

HS cần ghi lại các kiến thức trọng tâm vào vở, chỉnh sửa các lỗi sai ở phiếu học tập của nhóm.

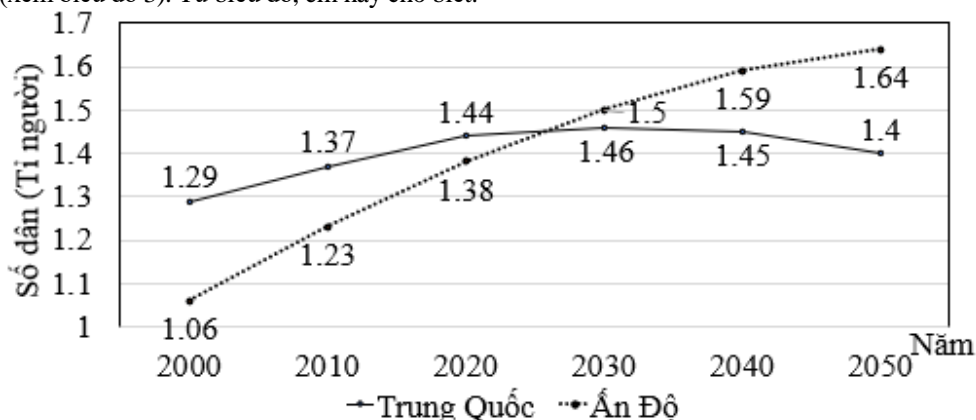
**Bước 4. Thử nghiệm tích cực (20 phút).** GV cho HS phân tích biểu đồ đoạn thẳng thông qua các nhiệm vụ học tập sau:

- **Bài tập 1:** Quan sát biểu đồ 2 và cho biết ngày có nhiệt độ chênh lệch nhiều nhất và ít nhất giữa hai thành phố (xem biểu đồ 2).



**Biểu đồ 2.** Nhiệt độ cao nhất trong ngày tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 20-24/02/2021  
 (Nguồn: Toán 8, tập 1 - bộ sách Chân trời sáng tạo, tr 114)

- Bài tập 2: Biểu đồ đoạn thẳng sau đây cho biết số dân và dự báo quy mô dân số của Trung Quốc và Ấn Độ đến năm 2050 (xem biểu đồ 3). Từ biểu đồ, em hãy cho biết:



Biểu đồ 3. Dự báo dân số Trung Quốc và Ấn Độ đến năm 2050  
(Nguồn: Toán 7, tập 1 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, tr 109)

a) Năm 2020, số dân nước nào lớn hơn, tương ứng là khoảng bao nhiêu tỉ người?

b) Đến khoảng năm nào thì số dân hai nước bằng nhau?

## 2.4. Thực nghiệm sư phạm

### 2.4.1. Mục tiêu, đối tượng và phương pháp nghiên cứu thực nghiệm

- Mục tiêu của nghiên cứu thực nghiệm: Tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của việc sử dụng mô hình HTTN của David A. Kolb trong dạy học nội dung “Biểu đồ đoạn thẳng” (Toán 7).

- Đối tượng thực nghiệm: Chúng tôi chọn ra 2 lớp có kết quả học tập và sĩ số tương đương nhau để tiến hành thực nghiệm, đó là 20 HS lớp 7E và lớp đối chứng với 20 HS lớp 7M của Trường Tiểu học - THCS - THPT EMASI Nam Long, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian tiến hành nghiên cứu thực nghiệm là năm học 2022-2023.

- Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm:

+ Tiến hành dạy thực nghiệm sư phạm: Ở lớp đối chứng, GV tiến hành giảng dạy như thông thường. Ở lớp thực nghiệm, GV thực hiện 2 tiết dạy theo các tình huống dạy học đã thiết kế theo mô hình HTTN của David A. Kolb trong dạy học nội dung “Biểu đồ đoạn thẳng” (Toán 7).

+ Tiến hành kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng: Thông qua 01 bài kiểm tra 40 phút gồm 10 câu trắc nghiệm và 3 câu tự luận sau khi HS học xong bài “Biểu đồ đoạn thẳng” (Toán 7) ở cả hai lớp đối chứng và thực nghiệm, GV quan sát và đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của HS dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học và mức độ HS hoàn thành các hoạt động. Bài kiểm tra của HS được chấm bằng điểm số theo thang điểm 10 theo các mức: Từ 0-4,9: Yếu - kém; từ 5,0-6,4: Trung bình; từ 6,5-7,9: Khá; từ 8,0-10: Giỏi.

Phiếu học tập và bài kiểm tra và bài kiểm tra đã được chúng tôi xây dựng (tại đường link [https://bit.ly/phielhoctap\\_baikiemtra](https://bit.ly/phielhoctap_baikiemtra)), có thể quét mã QR để xem chi tiết các nội dung này (xem hình 1).



Hình 1

### 2.4.2. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm

- Đánh giá định lượng: So sánh kết quả bài kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng, kết quả như sau (xem bảng 2):

Bảng 2. So sánh kết quả bài kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Các lớp thực nghiệm	Yếu - kém	Trung bình	Khá	Giỏi
Lớp thực nghiệm	0	3	10	7
Lớp đối chứng	2	5	8	5

Bảng 2 cho thấy có sự khác biệt về kết quả bài kiểm tra của HS ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Cụ thể: Tỷ lệ HS đạt điểm “Giỏi” và “Khá” ở lớp thực nghiệm đều cao hơn so với lớp đối chứng, tỷ lệ HS đạt điểm trung bình trở xuống ở lớp thực nghiệm thấp hơn so với lớp đối chứng.

- Đánh giá định tính:

+ Quá trình HTTN ở lớp thực nghiệm nhận được nhiều phản hồi tích cực từ phía GV và HS. Điều này cho thấy hiệu quả và tính khả thi của những hoạt động HTTN đã thiết kế, góp phần khắc phục được một số hạn chế của các



phương pháp dạy học truyền thống. HS lớp thực nghiệm đã tự tìm hiểu và nắm được ý nghĩa và công dụng của biểu đồ đoạn thẳng, biết cách đọc và mô tả các dữ liệu ở dạng biểu đồ đoạn thẳng. Các em lựa chọn và biểu diễn vào biểu đồ đoạn thẳng một cách chính xác, biết phân tích và xử lý dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng, thậm chí đưa ra các định hướng giải quyết vấn đề trong thực tế. HS được tự thực hành, tự trải nghiệm, ghi nhớ lí thuyết một cách tự nhiên thông qua quá trình HTTN, các em rất tích cực và hào hứng trong quá trình học tập, tự khám phá để hình thành kiến thức mới thông qua quá trình HTTN.

+ HS lớp đối chứng được học theo cách truyền thống, các em chủ yếu nghe giảng, ghi chép và hoàn thành các bài tập nên không khí lớp học chưa tích cực, sôi nổi. HS chưa ghi nhớ và vận dụng được đầy đủ kiến thức vào giải các bài tập. HS còn nhầm lẫn công dụng của biểu đồ đoạn thẳng với biểu đồ cột, khả năng đọc và mô tả dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng của HS còn hạn chế và đôi khi chưa chính xác. Nhiều HS gặp khó khăn trong các bài toán về biểu đồ, chưa mạnh dạn, tự tin khi phân tích biểu đồ đoạn thẳng và vẽ biểu đồ theo dữ liệu cho trước. HS ở lớp đối chứng không có cơ hội trải nghiệm như HS ở lớp thực nghiệm nên phần lớn các em mất điểm ở nội dung vẽ và phân tích biểu đồ.

### 3. Kết luận

Bài báo đã trình bày các hoạt động được tổ chức dựa trên mô hình HTTN của David A. Kolb trong dạy học nội dung “Biểu đồ đoạn thẳng” (Toán 7). GV cần thiết kế các hoạt động và nhiệm vụ học tập phù hợp để HS tương tác, giao tiếp, học hỏi lẫn nhau, rèn luyện tính chủ động, hợp tác và trách nhiệm. Mô hình này đã giúp HS không chỉ nắm vững khái niệm mà còn phát triển khả năng phân tích, tư duy logic và ứng dụng vào các bài toán thực tiễn. Một số kết quả thực nghiệm sư phạm được triển khai ở Trường Tiểu học - THCS - THPT EMASI Nam Long, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh đã cho thấy hiệu quả và tính khả thi của mô hình HTTN của David A. Kolb trong dạy học nội dung “Biểu đồ đoạn thẳng”, giúp HS nắm được những nội dung kiến thức, có kĩ năng, thái độ tích cực trong học tập. Các chủ đề HTTN cần được thiết kế phù hợp với trình độ nhận thức, khả năng của HS và trên cơ sở đó có thể mở rộng phạm vi áp dụng vào thực tiễn dạy học môn Toán ở THCS.

#### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2020). *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán - Mô đun 2 sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở môn Toán*.
- Đào Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Hằng (2018). Học tập trải nghiệm - Lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 433, 36-40.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiment learning: experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- Morris, T. H. (2020). Experiential learning - a systematic review and revision of Kolb's model. *Interactive Learning Environments*, 28(8), 1064-1077.
- Nguyễn Hợp Tuấn (2018). Lí thuyết học trải nghiệm của David Kolb và những gợi ý vận dụng trong hoạt động thực hành sư phạm của học viên ở các trường sĩ quan quân đội. *Tạp chí Giáo dục*, 442, 36-40.
- Nguyễn Văn Hạnh (2017). Học tập trải nghiệm: Một lí thuyết học tập đóng vai trò trung tâm trong đào tạo theo năng lực. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 14(1), 179-187.
- Phan Thị Thúy Phương (2018). Vận dụng “Mô hình học trải nghiệm” của David Kolb trong dạy học các học phần thực hành thuộc chuyên ngành Quản trị văn phòng. *Tạp chí Giáo dục*, 427(1), 40-43.
- Tăng Minh Dũng, Triệu Thị Trang, Nguyễn Thị Nga (2021). Dạy học điện tích xung quanh của hình trụ theo tiếp cận học tập trải nghiệm. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 66, 201-210.
- Weinberg, A. E., Basile, C. G., & Albright, L. (2011). The Effect of an Experiential Learning Program on Middle School Students' Motivation Toward Mathematics and Science. *Research in Middle Level Education*, 35, 1-12. <https://doi.org/10.1080/19404476.2011.11462086>